

Số: 1544/QĐ-UBND

Quang Hưng, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng đô thị tại thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUANG HƯNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc Hội ngày 11/12/2025 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên: số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên ngày về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 407/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2022 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Phù Cù; số 1583/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Phù Cù; số 3160/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 quyết định phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cù đến năm 2035; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc ban hành quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 149/2025/QĐ-UBND Ban hành quy định đơn

giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 153/2025/QĐ-UBND quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 31/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Thông báo số 260/TB-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng đô thị tại thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ;

Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND xã Quang Hưng 468/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư công; số 734/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng với các phòng, ban, ngành có liên quan của xã và các thôn trên địa bàn xã trong việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên; số 726/QĐ-CTUBND ngày 01/10/2025 về việc giao quyền thực hiện trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND xã Quang Hưng; số 1469/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 về việc phê duyệt dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng đô thị tại thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất của UBND xã Quang Hưng: Từ Số 71/TB-UBND đến số 82/TB-UBND ngày 15/4/2026 để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng đô thị tại thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quang Hưng tại Tờ trình số 94/TTr-BQLDA ngày 09/7/2026 và Tờ trình số 241/TTr-KT ngày 10/7/2026 của Phòng Kinh tế xã Quang Hưng về việc đề nghị Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng đô thị tại thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng đô thị tại thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ; nay thuộc xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn xây dựng đô thị tại thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất

a. Tổng diện tích đất thu hồi: 36.784,2m² (*Bằng chữ: Ba mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi tư phẩy hai mét vuông*) đất, trong đó:

- Đất của hộ gia đình, cá nhân: 15.035,4m² đất chuyên trồng lúa (LUC);
- Đất do UBND xã quản lý: 21.748,8m² đất, gồm:
 - + Đất chuyên trồng lúa (LUC) là: 15.924,2m²
 - + Đất thủy lợi (DTL) là: 1.882,8m²
 - + Đất nghĩa trang (NTD) là: 133,8m²
 - + Đất giao thông (DGT): 3.808,0m²

b. Tổng số hộ có đất thu hồi: 12 hộ gia đình, cá nhân.

c. Tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân và tài sản trên đất là: 6.395.226.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ, ba trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng*).

d. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất bị thu hồi.

đ. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Quý III năm 2026.

e. Tại các thửa đất số: 5, 14, 15, 20, 26, 27, 28, 32, 33, 34, 35, 36, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 47, 48, 49, 54, 55, 58, 59, 60, 64, 65, 68, 323, 324, 325, 327, 328, 390, 391, 392 thuộc thửa đất số 7. Các thửa đất số 25, 31, 39, 40, 41, 42, 43, 53, 54 thuộc thửa đất số 15. Các thửa đất số 171, 180 thửa đất số 04 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/03/2025.

f. Mức bồi thường, hỗ trợ đối với 12 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi:

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: 80.000đ/m².
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC), (NTS) = 3 x 80.000đ/m² = 240.000đ/m²

- Hỗ trợ ổn định đời sống:

+ Thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 02 (hai) tháng;

+ Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 03 (ba) tháng;

+ Thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 05 (năm) tháng;

+ Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

+ Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 12 hộ gia đình, cá nhân có đất giao theo Nghị quyết 03 bị thu hồi đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số tiền: 6.395.226.000 đồng, cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần Duy Tạo - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 83 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

- Họ và tên: Trần Duy Tạo

+ Số định danh cá nhân: 033064004081

+ Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại thửa đất số 60 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Diện tích thu hồi: 1.893,7 m² (*Bằng chữ: Một nghìn, tám trăm chín mươi ba phẩy bảy mét vuông*) đất.

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: 80.000đ/m²;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Bồi thường về tài sản, vật kiến trúc: Theo Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và các công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ/m}^2 = 240.000\text{đ/m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $1.893,7 \text{ m}^2/4.464 \text{ m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 42,42% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 06 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 09 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 1.057.077.000 đồng (*Một tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.893,7 \text{ m}^2 = 151.496.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.893,7 \text{ m}^2 = 454.488.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 09 khẩu $\times$ 30kg gạo/tháng $\times$ 06 tháng $\times$ 17.000đ/kg gạo = 27.540.000 đồng.

- Hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên đất: 423.553.000 đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 01 kèm theo*).

2.2. Ông Trần Duy Ly - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 85 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Trần Duy Ly

Số định danh cá nhân: 033069010260

Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại các thửa đất số 327; 328 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Tổng diện tích thu hồi: $1.426,1 \text{ m}^2$ (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm hai mươi sáu phẩy một mét vuông*) đất.

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $1.426,1\text{m}^2/1.426,1\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 100% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 07 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 513.453.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm mười ba triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.426,1\text{m}^2 = 114.088.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.426,1\text{m}^2 = 342.264.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 07 khẩu $\times$ 30kg gạo/tháng $\times$ 12 tháng $\times$ 17.000đ/kg gạo = 42.840.000 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ lúa chưa đến thời kỳ thu hoạch: $1.426,1\text{m}^2 \times 10.000\text{đ} = 14.261.000$ đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 02*).

2.3. Ông Trần Thanh Sơn - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 90 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Trần Thanh Sơn

Số định danh cá nhân: 033054000383

Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại các thửa đất số 323; 325 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Diện tích thu hồi: $913,6\text{m}^2$ (*Bằng chữ: Chín trăm mười ba phẩy sáu mét vuông*) đất.

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi 913,6m²/913,6m² diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 100% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 10 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 598.485.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: 80.000đ/m² x 913,6m² = 73.088.000 đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 240.000đ/m² x 913,6m² = 219.264.000 đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 10 khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng x 17.000đ/kg gạo = 61.200.000 đồng.

- Hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo đất, tài sản, cây trồng trên đất: 244.933.000 đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 03*).

2.4. Ông Trần Huy Bình - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 88 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Trần Huy Bình

Số định danh cá nhân: 033039004645

Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại thửa đất số 324 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Diện tích thu hồi: 184,1m² (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi tư phẩy một mét vuông*) đất.

- Loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: 80.000đ/m²;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là 3 x 80.000đ/m² = 240.000đ/m²;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $184,1\text{m}^2/2.836\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 6,49% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 02 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 11 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 89.177.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi chín triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 184,1\text{m}^2 = 14.728.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 184,1\text{m}^2 = 44.184.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 11 khẩu $\times$ 30kg gạo/tháng $\times$ 02 tháng $\times$ 17.000đ/kg gạo = 11.220.000 đồng.

- Hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên đất: 19.045.000 đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 04*).

2.5. Ông Trần Văn Đoạn - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 86 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Trần Văn Đoạn

Số định danh cá nhân: 033074013565

Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại thửa đất số 20 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Diện tích thu hồi: $1.212,5\text{m}^2$ (*Bằng chữ: Một nghìn, hai trăm mười hai phẩy năm mét vuông*) đất.

- Loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $1.212,5\text{m}^2/1.212,5\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 100% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 05 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 430.725.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.212,5\text{m}^2 = 97.000.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.212,5\text{m}^2 = 291.000.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 05 khẩu $\times$ 30kg gạo/tháng $\times$ 12 tháng $\times$ 17.000đ/kg gạo = 30.600.000 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ lúa chưa đến thời kỳ thu hoạch: $1.212,5\text{m}^2 \times 10.000\text{đ} = 12.125.000$ đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 05*).

2.6. Bà Trần Thị Thấn - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 87 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Trần Thị Thấn

Số định danh cá nhân: 033133000034

Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại thửa đất số 28 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Diện tích thu hồi: $1.105,1\text{m}^2$ (*Bằng chữ: Một nghìn, một trăm linh lăm phẩy một mét vuông*) đất.

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $1.105,1\text{m}^2/1.105,1\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 100% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 01 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 370.803.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi triệu, tám trăm linh ba nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.105,1\text{m}^2 = 88.408.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.105,1\text{m}^2 = 265.224.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 01 khẩu $\times$ 30kg gạo/tháng $\times$ 12 tháng $\times$ 17.000đ/kg gạo = 6.120.000 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ lúa chưa đến thời kỳ thu hoạch: $1.105,1\text{m}^2 \times 10.000\text{đ} = 11.051.000$ đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 06*).

2.7. Ông Trần Văn Định - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 91 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Trần Văn Định

Số định danh cá nhân: 033063004834

Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại các thửa đất số 26; 33 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Tổng diện tích thu hồi: $2.423,9\text{m}^2$ (*Bằng chữ: Hai nghìn, bốn trăm hai mươi ba phẩy chín mét vuông*) đất.

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $2.423,9\text{m}^2/2.423,9\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 100% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 06 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 843.691.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 2.423,9\text{m}^2 = 193.912.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 2.423,9\text{m}^2 = 581.736.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 06 khẩu $\times$ 30kg gạo/tháng $\times$ 12 tháng $\times$ 17.000đ/kg gạo = 36.720.000 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ lúa chưa đến thời kỳ thu hoạch: $1.653,9\text{m}^2 \times 10.000\text{đ} = 16.539.000$ đồng.

- Hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên đất: 14.784.000 đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 07*).

2.8. Ông Trần Duy Hoàn - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 82 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Trần Duy Hoàn

Số định danh cá nhân: 033069004557

Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại các thửa đất số 40; 47 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Tổng diện tích thu hồi: $1.427,1\text{m}^2$ (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm hai mươi bảy phẩy một mét vuông*) đất.

- Loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $1.427,1\text{m}^2/1.427,1\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 100% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 03 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 675.243.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.427,1\text{m}^2 = 114.168.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.427,1\text{m}^2 = 342.504.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 03 khẩu $\times$ 30kg gạo/tháng $\times$ 12 tháng $\times$ 17.000đ/kg gạo = 18.360.000 đồng.

- Hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên đất: 200.211.000 đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 08*).

2.9. Ông Dương Văn Tráng - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 92 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Dương Văn Tráng

Số định danh cá nhân: 033062004506

Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại các thửa đất số 31; 40; 42; 43; 53 thuộc tờ bản đồ số 15 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Tổng diện tích thu hồi: $1.195,2\text{m}^2$ (*Bằng chữ: Một nghìn, một trăm chín mươi lăm phẩy hai mét vuông*) đất.

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $1.195,2\text{m}^2/3.027,5\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 39,48% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là

30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 06 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 07 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 657.755.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.195,2\text{m}^2 = 95.616.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.195,2\text{m}^2 = 286.848.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 07 khẩu x 30kg gạo/tháng x 06 tháng x 17.000đ/kg gạo = 21.420.000 đồng.

- Hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên đất: 253.871.000 đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 09*).

2.10. Ông Dương Văn Cùng

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Dương Văn Cùng

Số định danh cá nhân: 033072001795

Nơi thường trú: Thôn Trần Cao, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại thửa đất số 25 thuộc tờ bản đồ số 15 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Diện tích thu hồi: $461,1\text{m}^2$ (*Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi một phẩy một mét vuông*) đất.

- Loại đất: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất: Đối với đất chuyên trồng lúa nước (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $461,1\text{m}^2/637\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 72,39% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 04 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 212.647.000đồng (*Bằng chữ: Hai trăm mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 461,1\text{m}^2 = 36.888.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 461,1\text{m}^2 = 110.664.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: $04 \text{ khẩu} \times 30\text{kg gạo/tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 17.000\text{đ}/\text{kg gạo} = 24.480.000$ đồng.

- Hỗ trợ chi phí đầu tư cải tạo đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng trên đất: 40.615.000 đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 10*).

2.11. Ông Trần Duy Úy - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 84 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Trần Duy Úy

Số định danh cá nhân: 033063004610

Nơi thường trú: Tổ 6, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại thửa đất số 5 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Diện tích thu hồi: $1.612,5\text{m}^2$ (*Bằng chữ: Một nghìn, sáu trăm mười hai phẩy năm mét vuông*) đất.

- Loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $1.612,5\text{m}^2/2.392\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 67,41% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 06 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 04 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 544.365.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.612,5\text{m}^2 = 129.000.000$ đồng.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.612,5\text{m}^2 = 387.000.000$ đồng.

- Hỗ trợ ổn định đời sống: 04 khẩu x 30kg gạo/tháng x 06 tháng x 17.000đ/kg gạo = 12.240.000đ.

- Bồi thường, hỗ trợ lúa chưa đến thời kỳ thu hoạch: $1.612,5\text{m}^2 \times 10.000\text{đ} = 16.125.000$ đồng.

(*Có phụ lục chi tiết số 11*).

2.12. Ông Dương Văn Kinh - Đại diện đứng tên theo Hợp đồng ủy quyền đã được UBND xã Quang Hưng chứng thực số 89 ngày 08/4/2026

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ

Họ và tên: Dương Văn Kinh

Số định danh cá nhân: 033075005247

Nơi thường trú: Thôn 5, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 7 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Diện tích thu hồi: $1.180,5\text{m}^2$ (*Bằng chữ: Một nghìn, một trăm tám mươi phẩy năm mét vuông*) đất.

- Loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC).

- Nguồn gốc đất thu hồi: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

c. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Bồi thường về đất chuyên trồng lúa giao theo NQ 03: $80.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển về cây trồng, vật nuôi: Theo Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d. Các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 3 lần giá đất nông nghiệp: Đối với đất chuyên trồng lúa (LUC) là $3 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 = 240.000\text{đ}/\text{m}^2$;

- Hỗ trợ ổn định đời sống: Diện tích thu hồi $1.180,5\text{m}^2/1.180,5\text{m}^2$ diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng = 100% nên được hỗ trợ ổn định đời sống là 30kg gạo/1khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng, số nhân khẩu được hỗ trợ: 02 khẩu;

- Hỗ trợ cây trồng trên đất.

đ. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 401.805.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm linh một triệu, tám trăm linh năm nghìn đồng*).

- Bồi thường về đất: $80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.180,5\text{m}^2 = 94.440.000\text{đồng}$.
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: $240.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.180,5\text{m}^2 = 283.320.000\text{đồng}$.
- Hỗ trợ ổn định đời sống: $02\text{ khẩu} \times 30\text{kg gạo/tháng} \times 12\text{ tháng} \times 17.000\text{đ}/\text{kg gạo} = 12.240.000\text{đồng}$.
- Bồi thường, hỗ trợ lúa chưa đến thời kỳ thu hoạch: $1.180,5\text{m}^2 \times 10.000\text{đ} = 11.805.000\text{đồng}$.

(Có phụ lục chi tiết số 12).

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ về mộ, tài sản - vật kiến trúc, cây trồng trên đất do UBND xã quản lý: 392.183.000 đồng, cụ thể như sau:

a. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

- Vị trí thu hồi tại các thửa đất số: 171, 180 thuộc tờ bản đồ 04; các thửa đất số: 14, 15, 27, 32, 34, 35, 36, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 54, 55, 58, 59, 64, 65, 68, 390, 391, 392 thuộc tờ bản đồ 7 và các thửa đất số 39, 41, 54 thuộc tờ bản đồ số 15 theo bản đồ VLAP thị trấn Trần Cao năm 2015 (cũ) nay là xã Quang Hưng do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên trích lục ngày 26/3/2025.

- Diện tích thu hồi: $21.748,8\text{m}^2$ do UBND xã quản lý.

- Loại đất: Gồm $15.924,2\text{m}^2$ đất chuyên trồng lúa nước (LUC); $133,8\text{m}^2$ đất nghĩa trang (NTD); $1.882,8\text{m}^2$ đất thủy lợi (DTL); $3.808,0\text{m}^2$ đất giao thông (DGT).

b. Các khoản bồi thường, hỗ trợ:

Bồi thường, hỗ trợ thu dọn, di chuyển đối với tài sản, cây trồng, hoa màu, mồ mả trên đất do UBND xã quản lý.

c. Tổng kinh phí hỗ trợ: 392.183.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm chín mươi hai triệu, một trăm tám mươi ba nghìn đồng).

- Hỗ trợ về tài sản – vật kiến trúc, cây trồng, mồ mả trên đất do UBND xã quản lý: **392.183.000 đồng** *(Có phụ lục chi tiết số 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 kèm theo).*

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân có liên quan:

1. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã thực hiện niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Trụ sở UBND xã và Nhà văn hoá thôn nơi có đất thu hồi; đồng thời phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã gửi Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định này cho hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã có trách nhiệm: Bố trí kinh phí đầy đủ, kịp thời; đồng thời phối hợp với Phòng Kinh tế xã niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi và thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định.

3. Hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 có trách nhiệm bàn giao đất cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã sau khi đã nhận đủ tiền theo quyết định này.

4. Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã có trách nhiệm đăng tải quyết định trên Cổng thông tin điện tử xã theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hoá-xã hội xã; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Giám đốc Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./. *Đào Minh Viện*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Trưởng thôn: Cao Xá; Trần Cao;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đào Minh Viện
Đào Minh Viện